

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD003008**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Bảng tính diện tử**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030379	Nguyễn Đỗ Đức	Anh	23/04/2009			8	10	5.0	6.0			5.8		6.1
2	2454802030380	Huỳnh Chí	Bảo	24/10/2009			9	10	8.0	10.0			8.5		8.8
3	2454802030381	Nguyễn Hoàng	Bảo	25/01/2009			5	5	5.0	5.0			0.0	0.0	2.0
4	2454802030382	Đỗ Thị Yến	Bình	04/07/2009			5	10	6.0	5.0			6.5		6.4
5	2454802030383	Lê Nguyễn Thảo	Duy	10/10/2009			9	9	5.0	5.0			8.5		7.6
6	2454802030384	Nguyễn Hoàng	Duy	07/03/2009			9	10	7.5	9.0			0.0		3.5
7	2454802030385	Lê Hoàng	Đạt	31/07/2009			8	10	5.0	5.0			8.5		7.6
8	2454802030386	Lương Văn	Đạt	18/02/2009			10	10	7.0	9.0			5.3		6.6
9	2454802030387	Dương Nhật	Hào	03/08/2009			9.5	10	5.0	8.0			8.3		8.0
10	2454802030388	Lê Hoàng	Khang	15/09/2009			8.5	8.5	5.0	6.0			10.0		8.6
11	2454802030389	Nguyễn Trí	Khang	11/06/2009			9	10	6.0	8.0			8.0		7.9
12	2454802030390	Lê Đăng	Khoa	13/09/2008			9.5	9.5	5.0	8.5			6.0		6.7
13	2454802030391	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	01/06/2009			8	8.5	6.0	9.0			8.8		8.4
14	2454802030392	Nguyễn Cao	Kỳ	27/11/2009			9.5	10	5.0	10.0			9.0		8.7
15	2454802030393	Bùi Thị Tường	Lam	25/10/2009			5	10	5.0	5.0			5.3		5.5
16	2454802030394	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Lam	05/10/2009			9.5	10	9.0	10.0			5.3		7.0
17	2454802030395	Đặng Phi	Long	26/10/1989			5	5	5.0	5.0			0.0	0.0	2.0
18	2454802030396	Nguyễn Hoàng	Nam	03/01/2009			9	10	9.0	8.5			7.3		8.0
19	2454802030397	Nguyễn Hữu	Nam	14/04/2009			9.5	9	6.5	9.0			0.0	0.0	3.3
20	2454802030398	Lê Yến	Nghi	27/03/2009			10	10	9.5	10.0			6.0		7.5
21	2454802030399	Đoàn Phú	Nghĩa	30/04/2009			5	5	5.0	5.0			8.5		7.1
22	2454802030400	Nguyễn Hữu	Nghĩa	07/10/2009			5	5	5.0	5.0			6.0		5.6
23	2454802030401	Nguyễn Minh	Nghĩa	26/10/2003			8.5	9.5	5.0	10.0			10.0		9.2
24	2454802030402	Nguyễn Hoàn Mỹ	Ngọc	26/06/2009			10	10	9.5	10.0			6.0		7.5
25	2454802030403	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	18/11/2009			8	10	5.0	9.0			5.5		6.4
26	2454802030404	Huỳnh Thị Thúy	Nhung	01/05/2009			8.5	10	6.5	10.0			5.0		6.4
27	2454802030405	Đặng Trọng	Phúc	30/08/2009			8	10	8.0	9.0			10.0		9.5
28	2454802030406	Lê Minh	Sang	02/10/2009			8	8.5	6.0	9.0			5.0		6.1
29	2454802030407	Dương Văn	Thái	06/02/2009			8.5	10	6.5	10.0			7.3		7.8
30	2454802030408	Mai Nguyễn Hoàng	Thái	20/10/2009			8	10	8.0	9.0			5.0		6.5
31	2454802030409	Huỳnh Quốc	Thanh	10/11/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
32	2454802030410	Đỗ Phúc	Toàn	05/05/2009			8	8.5	6.0	9.0			7.0		7.3
33	2454802030411	Huỳnh Minh	Trí	04/07/2009			9	9	7.5	10.0			7.5		8.0
34	2454802030412	Lê Quang	Trường	28/09/2008			8	5	5.0	5.0			6.3		6.0
35	2454802030413	Lê Anh	Tuấn	29/09/2009			8	5	5.0	5.0			5.0		5.2
36	2454802030414	Lê Công	Vinh	11/12/2009			8.5	9.5	5.0	10.0			5.0		6.2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030415	Lê Quang	Vinh	01/01/2009			8.5	10.0	5.0	5.0			6.5		6.5
38	2454802030416	Lê Thị Kim	Yến	27/01/2008			5	5	5.0	5.0			5.0		5.0

Châu Đốc, ngày 15 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thành Tài